

BƯỚC 3: MỞ RỘNG, KHẮC SÂU BẰNG CÁC CHUYÊN ĐỀ NHỎ

Trên cơ sở học sinh đã ôn tập, củng cố kiến thức một cách bài bản, cụ thể, kỹ lưỡng theo từng tác phẩm, tác giả, đã biết hệ thống những kiến thức cơ bản theo từng phần, từng thể loại, từng đề tài sáng tác..., giáo viên hướng dẫn học sinh một số chuyên đề để mở rộng, khắc sâu và nâng cao kiến thức đã ôn tập. Điều này vô cùng quan trọng, nhất là đối với những em học khá, giỏi. Khi thực hành viết bài nghị luận văn học, nếu kiến thức của các em chỉ dừng lại trong phạm vi tác phẩm, thiếu sự liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác cùng đề tài của tác giả khác hoặc tác phẩm khác cùng tác giả để bình thì bài làm khó đạt điểm cao. Đặc biệt, các chuyên đề sẽ giúp các em dễ dàng làm các đề văn tổng hợp.

Đối với chương trình Ngữ văn 9, ta có thể thực hiện nhiều chuyên đề khác nhau, tùy từng hoàn cảnh cụ thể, tùy thời gian, tùy đối tượng học sinh mà ta lựa chọn và triển khai. Ví dụ một số chuyên đề sau:

- Chuyên đề 1: Giá trị nghệ thuật trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du
- Chuyên đề 2: Vẻ đẹp đạo đức nhân dân trong "Truyện Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu.
- Chuyên đề 3: Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 9.
- Chuyên đề 4: Mấy nét khái quát về văn học học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945.
- Chuyên đề 5: Hình ảnh người lính cách mạng trong thơ ca kháng chiến.
- Chuyên đề 6: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua các tác phẩm văn học hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9.
- Chuyên đề 7: Tình cảm gia đình qua một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn 9.

Ví dụ 1:

Chuyên đề:

GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Giáo viên cung cấp cho học sinh những kiến thức về giá trị nghệ thuật trong tác phẩm Truyện Kiều, những kiến thức mà trong chương trình nội khoá, các em chưa được học một cách đầy đủ, trọn vẹn.
- Qua chuyên đề, các em sẽ hiểu sâu sắc hơn về giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều. Điều này sẽ giúp các em hoàn thành tốt hơn một số đề văn về tác phẩm: Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật qua các trích đoạn Truyện Kiều đã học và đọc

thêm; Bình luận, đánh giá khi phân tích một số nhân vật hoặc trích đoạn Truyện Kiều

...

- Bộ cục chuyên đề:

1. Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật

a. Miêu tả qua ngoại hình nhân vật.

b. Miêu tả qua ngôn ngữ của nhân vật (ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ độc thoại)

c. Miêu tả qua cử chỉ, hành động của nhân vật

d. Miêu tả gián tiếp qua tiếng nói của thiên nhiên

2. Một số biện pháp nghệ thuật khác:

a. Ngôn ngữ trong Truyện Kiều

b. Một số biện pháp tu từ.

II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ:

1. Nghệ thuật xây dựng chân dung nhân vật

Trong tác phẩm Truyện Kiều, Nguyễn Du đã khắc họa tài tình các nhân vật, khiến mỗi nhân vật để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đậm nét không thể quên, không thể trộn lẫn. Mỗi nhân vật hiện lên với một chân dung khác nhau, thậm chí, mỗi nhân vật bước vào cuộc sống, trở thành điển hình cho một loại người, một tầng lớp người nào đó. Ví như người ta thường nói những người con gái "đẹp như Thúy Kiều"; gọi những chủ chứa là "Tú Bà", gọi những kẻ lừa gạt, tráo trở trong tình yêu là "Sở Khanh" hoặc gọi những người phụ nữ ghen tuông quá thái là "Hoạn Thư", những người đàn ông chài chuốt, trai lơ là "họ Mã ...

Nguyễn Du xây dựng chân dung, tính cách nhân vật qua ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động của nhân vật và qua tiếng nói của thiên nhiên.

a. Nhân vật được miêu tả qua ngoại hình: Nguyễn Du chịu ảnh hưởng quan điểm thẩm mỹ của dân gian: chính đẹp, tà xấu

- Nhân vật chính diện: Thúy Vân, Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải...

Với các nhân vật này, Nguyễn Du miêu tả ngoại hình chủ yếu bằng bút pháp miêu tả ước lệ (khuôn mẫu đã định sẵn). Tuy vậy, mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng. Ví dụ:

+ Thúy Vân:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*

+ Thúy Kiều:

*Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*

+ Từ Hải là một anh hùng phi thường nên có ngoại hình khác thường:

*Râu hùm, hàm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao*

+ Kim Trọng - một văn nhân tài tử:

*Trông chừng thấy một văn nhân
Lông buông tay khẩu bước lẫm dậm băng
Đề huề lưng túi gió trăng,
Theo sau lưng một vài thằng con con.
Vó in sắc ngựa câu giòn
Cổ pha màu áo nhuộm non da trời.*

- Nhân vật phản diện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến...

Với các nhân vật này, tác giả miêu tả bằng bút pháp tả thực. Có lẽ, với tác giả, những con người này không xứng với bút pháp ước lệ trang trọng. Nhà thơ như trực tiếp quan sát thật kỹ lưỡng để tả. Ví dụ:

+ Mã Giám Sinh:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*

+ Hồ Tôn Hiến:

Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình

+ Sở Khanh:

*Bạc tình nổi tiếng lâu xanh
Một tay chôn biết mấy cành phù dung*

+ Tú Bà:

*Nhác trông nhờn nhợt màu da
Ăn gì to béo đây đà làm sao*

b. Nhân vật được miêu tả qua lời nói (ngôn ngữ)

* Ngôn ngữ đối thoại:

Có thể nói, tác giả đã sử dụng ngôn ngữ rất chính xác, tài tình khi "gắn" vào miệng mỗi nhân vật trong mỗi văn cảnh khác nhau những lời nói tưởng như không có thứ ngôn ngữ nào thay thế được. Khi thì ngôn ngữ trang trọng, kiêu cách, lúc thì ngôn ngữ thuần Việt nôm na, gần gũi với quần chúng. Qua ngôn ngữ đó, tính cách từng nhân vật được bộc lộ rõ. Ví dụ:

- Mã Giám Sinh: Xuất hiện với lời nói thoáng nghe có vẻ hào hoa, học thức, lễ nghĩa:

*Rằng mua ngọc đến Lam Kiều
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường*

nhưng nghe kỹ thì đó lại là thứ ngôn ngữ của một kẻ giả dối, lừa đảo. Dù hẳn có cố tình che đậy mục đích mua Kiều về lầu xanh nhưng bản chất con buôn và mục đích con buôn của hắn vẫn cứ lòi ra qua từ "mua" ("mua ngọc đến Lam Kiều")

- Từ Hải là một đấng anh hùng cái thế dũng mãnh vô song nên lời nói thẳng thắn, đàng hoàng, không hề là lời dù trong hoàn cảnh ở chốn lầu xanh:

*Khen cho con mắt tinh đời
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già
Một lời đã biết đến ta
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau*

- Hồ Tôn Hiến: Là một tên quan đầu triều nhưng bản chất dâm ô, đẽu cáng, lừa lọc, trá trở nên lời nói không đi đôi với việc làm. Những lời nói tưởng như quan tâm săn sóc đến Kiều nhưng thực ra mục đích chỉ là lừa nàng mà thôi.

- Sở Khanh: là một kẻ chuyên lừa lọc những người con gái nhẹ dạ cả tin. Hắn nhận tiền của Tú Bà để lừa Kiều, đưa nàng vào tròng, buộc nàng phải chấp nhận tiếp khách làng chơi. Bởi vậy, hắn nói với Kiều bằng giọng rất hùng hồn:

*Nàng đà biết đến ta chẳng
Bể trầm luân lấp cho đầy mới thôi*

Hắn tự xưng với Kiều là anh hùng đến cứu Kiều nhưng đó chỉ là lời hứa huênh hoang rỗng tuếch, giả dối.

- Tú Bà một chủ chứa nên lời nói của mụ khi thì nanh nọc xỉ vả Kiều:

*Con kia đã bán cho ta
Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây
Lão kia có giờ bài bậy
Chẳng vắng vào mặt sao mày lại nghe.
Có sao chịu tốt một bề
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao?*

Lúc lại tỉ tê truyền dạy ngón nghề của mình:

*Này con, thuộc lấy tam tông
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.
Chơi cho liễu chán hoa chê
Cho lẩn lóc đã, cho mê mẩn đời*

***Ngôn ngữ độc thoại:**

Đó là tiếng lòng của nhân vật được cất lên một cách trung thực, là sự rung cảm của trái tim trước thiên nhiên, xã hội và cuộc sống. Nguyễn Du đã chú trọng miêu tả tính cách nhân vật thông qua ngôn ngữ độc thoại. Tác giả để cho nhân vật trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm của mình. Ví dụ:

- Sau khi đi tảo mộ về, Thúy Kiều luôn trăn trở:

*Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không*

Hay:

*Người mà đến thế thì thôi
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi*

Qua những suy nghĩ ấy, ta hiểu Kiều là một người con gái đa tình nhưng cũng rất đa sầu, đa cảm. Chỉ thoáng gặp nhưng trái tim nàng luôn vấn vương, nhớ nhung đến Kim Trọng, cũng như hình ảnh ngôi mộ Đạm Tiên cùng với số phận của nàng qua lời kể của Vương Quan luôn ám ảnh tâm trí nàng, khiến nàng xót xa thương cảm...

Như vậy, ta thấy ngòi bút của nhà thơ như len lỏi vào từng góc ngách trái tim nhân vật để lắng nghe, để nói hộ tiếng lòng của nhân vật

- Những câu thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

.....
Có khi gốc tử đã vừa người ôm

Giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn nàng, đó là người con gái thủy chung, hiếu thảo. Trong bất hạnh khổ đau, nàng như quên đi chính mình mà luôn quan tâm, lo lắng cho người thân...

- Khi buộc phải tiếp khách làng chơi, Kiều sống trong nỗi đau đớn, nhục nhã đến ê chề. Những câu thơ diễn tả tâm trạng, suy nghĩ của nàng:

*Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh
Giật mình, mình lại thương mình xót xa*

Qua đó, ta cảm nhận được cảnh ngộ của nàng trong những ngày nàng sống ở lầu xanh và trân trọng tâm hồn trong trắng giàu lòng tự trọng của nàng.

c. Nhân vật được miêu tả qua cử chỉ, hành động

Trong tác phẩm, mỗi nhân vật xuất hiện với những cử chỉ, hành động khác nhau, những cử chỉ hành động như có lời nói nói nên bản chất của nhân vật. Ví dụ:

- Mã Giám Sinh:

Ghé trên ngòi tót sỗ sàng

Chỉ một cử chỉ "ngòi tót" thôi cũng đủ để hắt lộ nguyên hình bản chất của một kẻ thiếu văn hoá, thô lỗ, ỷ vào sức mạnh của đồng tiền để tự cho mình cái quyền ngòi trên ăn tróc.

- Sở Khanh:

Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào

Cái hành động "lên vào" đầy mờ ám, vụng trộm của gã họ Sở khác hẳn với hành động đàng hoàng của Từ Hải ("*Bông đầu có khách biên đình sang chơi*")

- Hay Kim Trọng, một văn nhân tài tử hào hoa phong nhã:

*Nẻo xa mới tỏ mặt người
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình*

d. Nhân vật được miêu tả gián tiếp qua tiếng nói của thiên nhiên

Có thể nói, Nguyễn Du đã sử dụng một cách tài tình, khéo léo bút pháp này. Hầu như những bức tranh thiên nhiên trong tác phẩm đều là những bức tranh thiên nhiên biết nói, nói lên muôn nghìn những cung bậc tình cảm khác nhau của nhân vật. Rõ ràng, Nguyễn Du đã đưa tiếng nói của thiên nhiên vào tác phẩm, nhờ thiên nhiên nói hộ tâm trạng nhân vật. Ví dụ:

- *Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Đây không chỉ là bức tranh cảnh, dù đó là bức tranh cảnh thiên nhiên đẹp mà bức đó là bức tranh tâm trạng, tâm trạng băng khuâng, lưu luyến, quyến luyến không muốn rời xa nhau của Thúy Kiều và Kim Trọng.

- Tám câu thơ cuối trong trích đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích":
Buôn trông cửa bể chiều hôm

.....
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

Hoàn toàn là bức tranh tâm trạng của Thúy Kiều trong những ngày nàng sống ở lầu Ngưng Bích.

Tóm lại, một trong những thành công giúp Truyện Kiều của Nguyễn Du đạt đến đỉnh cao nghệ thuật chính là thành công về nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật. Nếu so sánh với "Chuyện người con gái Nam Xương" hay các tác phẩm cùng thời khác, kể cả những tác phẩm được sáng tác sau đó như "Truyện Lục vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu, ta thấy nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật của Nguyễn Du trong Truyện Kiều có bước tiến xa, đạt đến trình độ điêu luyện, tài hoa.

2. Một số bút pháp nghệ thuật khác:

a. Ngôn ngữ trong tác phẩm Truyện Kiều

Nguyễn Du đã kết hợp hài hoà giữa chất liệu thơ ca dân gian, ngôn ngữ quần chúng và ngôn ngữ bác học.

*Trước hết, trong tác phẩm có sự kết hợp hài hoà giữa ngôn ngữ bác học với ngôn ngữ bình dân.

- Vốn ngôn ngữ bác học được Nguyễn Du sử dụng rất sáng tạo. Đó là những hình ảnh, những cách nói, những điển tích điển cố trong văn chương sách vở. Ví dụ:

*Vẫn nghe thơm nức hương lân
Một nền Đồng tước khoá thân hai Kiều*

Hay:

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm*

- Vốn ngôn ngữ quần chúng dân gian: Có lẽ, những năm tháng từng trải nay đây mai đó của mình, Nguyễn Du đã học được rất nhiều cách nói của chúng nhân

dân lao động, ông đã đưa cách nói của họ vào trong tác phẩm của mình một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Trong tác phẩm có dấu vết của trên 100 câu ca dao và rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ.

Ví dụ 1: Hình ảnh cánh bèo trong dân gian luôn là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Ca dao có câu:

*Lênh đênh nước chảy bèo trôi
Đến khi nước lụt, bèo ngồi trên sen*

Trong Truyện Kiều:

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau

Ví dụ 2: Hạt mưa là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ:

*Thân em như hạt mưa sa
Hạt rơi xuống giếng, hạt sa vũng lầy*

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du viết:

*Hạt mưa xá nghĩ phận hèn
Liều đem tác cỏ quyết đền ba xuân*

Ví dụ 3: Tục ngữ có câu: "Nhân vô thập toàn", Truyện Kiều viết

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

Ví dụ 4: Thành ngữ có câu: "Ai kháo mà xưng", Truyện Kiều viết:

*Nghĩ đà bụng bí miệng bình
Nào ai có kháo mà mình lại xưng*

Hay hàng loạt các ví dụ khác:

- *Ra tuồng mèo mả gà đồng
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào*

- *Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không đao*

- *Ở đây tai vách mạch rừng
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi*

- *Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa*

.....

Nhờ việc sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo ngôn ngữ bình dân nên Truyện Kiều đã chiếm được tình cảm của nhân dân lao động. Bởi họ như tìm thấy lời ăn tiếng nói của chính mình trong đó. Bởi vậy, có ý kiến đã cho rằng; "Trong tác phẩm truyện Kiều, Nguyễn Du đã đạt đến độ bậc thầy về ngôn ngữ, là người đã nâng ngôn ngữ văn học dân tộc của thời đại lên một đỉnh cao chói lọi"

b. Các biện pháp tu từ trong Truyện Kiều

Nguyễn Du đã sử dụng thành thạo, đa dạng các biện pháp tu từ: So sánh, ẩn dụ, thậm xưng, điệp ngữ ... Ví dụ:

- Điệp ngữ "buồn trông" trong tám câu thơ cuối (trích đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích") có giá trị biểu cảm lớn. Ta như thấy nỗi buồn của Kiều hiện lên mênh mông, chất chồng, đè nặng lên tâm hồn nàng và ngập tràn tất cả.

- Điệp từ "giật mình" trong câu thơ "Giật mình, mình lại thương mình xót xa". Câu thơ có 8 chữ mà xuất hiện tới 3 từ "giật mình". Điều đó có tác dụng nhấn mạnh nỗi cô đơn, lẻ loi, trống vắng của Kiều giữa đêm khuya khi cuộc vui đã tàn.

- Hàng loạt hình ảnh ẩn dụ

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mắt thua nước tóc, tuyết nhường màu da*

- Hoán dụ:

*Một tay xây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành*

- Thậm xưng: *Hoa ghen thua thắm, liễn hồn kém xanh*

...

Tóm lại: Trong nền văn học dân tộc, Truyện Kiều của Nguyễn Du xuất hiện như một đóa hoa đẹp nhất, tiếp thu sáng tạo truyền thống văn học dân tộc và ngôn ngữ bình dị của quần chúng cũng như ngôn ngữ mỹ lệ của văn chương bác học. Tất cả cùng kết hợp với sự rung động và tài năng đặc biệt của nhà thơ để đưa tác phẩm trở thành một công trình tuyệt tác có một không hai trong nền văn học dân tộc.

Truyện Kiều đã đánh dấu bước trưởng thành lên tới đỉnh cao của thơ ca dân tộc và trở thành niềm tự hào của thơ ca dân tộc. Không yêu đất nước mình, không vì nghệ thuật, vì cuộc đời thì Nguyễn Du không thể có được thành công ấy. Tác phẩm là kết quả của cái tâm lớn lao, của tài năng nghệ thuật lớn lao. Trân trọng cái nhìn hiện thực sắc sảo đầy tình yêu thương bao la của nhà thơ bao nhiêu, ta lại càng trân trọng tài năng sáng tạo của ông bấy nhiêu.

Ví dụ 2:

Chuyên đề:

HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH CÁCH MẠNG TRONG THƠ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG

TÁM 1945

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Chuyên đề cung cấp cho học sinh những kiến thức về hình ảnh Anh bộ đội cụ Hồ trong thơ Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám. Ngoài hai bài thơ trích học trong chương trình: Đồng chí (Chính Hữu) và Bài thơ về tiểu đội xe không kính

(Phạm Tiến Duật), chuyên đề giới thiệu thêm một số tác phẩm khác viết về đề tài này.

- Qua chuyên đề, học sinh sẽ có cái nhìn toàn diện hơn, đầy đủ hơn về hình ảnh người lính trong thơ Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám. Các em sẽ hiểu rằng Người lính là một trong những đề tài lớn của thơ ca cách mạng. Qua đó, hình ảnh người lính hiện lên với những phẩm chất cao đẹp, đáng tự hào. Vẻ đẹp của hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ là sự tiếp nối những vẻ đẹp truyền thống của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp, nhưng các anh cũng mang trong mình những vẻ đẹp mới của thời đại mới. Điều này sẽ giúp các em hoàn thành tốt hơn một số đề văn về đề tài người lính.

- Ngoài ra, chuyên đề còn bồi dưỡng tình yêu, niềm cảm phục và tự hào về hình ảnh anh bộ đội Việt Nam trong tâm hồn, tình cảm của học sinh. Điều này cũng vô cùng quan trọng, bởi tình yêu, niềm tự hào, cảm phục đó sẽ tạo cảm hứng tốt hơn khi các em viết bài.

- Bố cục chuyên đề:

1. Hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Pháp
2. Hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ

II. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ:

Trong hai cuộc kháng chiến trường kì gian khổ của dân tộc, thơ ca Việt Nam đã phát triển khá mạnh mẽ và thu được một số thành tựu đáng tự hào. Thơ kháng chiến phần nhiều viết về cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, trong đó viết khá thành công về đề tài người lính - nhân vật trung tâm của cuộc kháng chiến. Đường như thơ ca đã cùng người lính ra trận, thơ ca góp phần động viên, khích lệ họ vượt qua gian khổ, chiến thắng kẻ thù.

Sau cách mạng tháng Tám vĩ đại, đội ngũ nhà thơ Việt Nam xuất hiện một loạt cây bút trẻ. Bên cạnh những nhà thơ sáng tác trước cách mạng, những thi sĩ của phong trào Thơ Mới, chúng ta thấy sự xuất hiện của Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Chính Hữu, Hồng Nguyên, Quang Dũng, Tố Hữu.... sau đó là Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Trọng Tạo, Lê Anh Xuân, Lâm Thị Mĩ Dạ... Phần lớn các nhà thơ này đều ít nhiều trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia chiến đấu. Vì thế, họ có nhiều điều kiện thuận lợi để có thể viết đúng và viết hay về người lính bởi viết về người lính là viết về chính mình, về đồng đội mình. Điều ngỡ như đơn giản ấy lại là ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành cảm xúc. Hình tượng người lính vẫn mang những nét xác thực trong đời sống chiến đấu, vừa tái hiện trong cảm hứng nghệ thuật đầy chất sử thi và lãng mạn. Những tác phẩm xuất sắc về người lính cũng là những tác phẩm được tạo nên trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai thứ "chất liệu" nghệ thuật này.

1. Trong kháng chiến chống Pháp: Vẻ đẹp người lính thường gắn bó với vẻ đẹp bình dị. Họ nhanh chóng trở thành linh hồn của cuộc kháng chiến, trở thành niềm tin yêu và hy vọng của cả dân tộc. Tố Hữu đã nói hộ tình cảm của nhân dân đối với anh vệ quốc quân:

*"Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!"*

(Cá nước - Tố Hữu)

***Anh bộ đội cụ Hồ vốn là những nông dân mặc áo lính mang trong mình lí tưởng cao đẹp.**

Vì sự sống còn của Tổ quốc, họ tạm biệt bên nước sân đình, bãi mía nương dâu để ra đi chiến đấu. Ta hãy nghe lời tâm sự của họ khi nói về quê hương mình:

*"Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"*

(Đồng chí - Chính Hữu)

- Họ ra đi, để lại nơi quê nhà người mẹ già, người vợ trẻ một nắng hai sương cày sâu cuốc bẫm. Trần Hữu Thung đã khắc họa thành công hình ảnh anh vệ quốc quân nông dân qua trí nhớ của người vợ. Trong buổi tòng quân rộn ràng tiếng trống, thấp thoáng bóng cờ, ngay phút tiễn đưa bịn rịn, anh vẫn không quên nhắc vợ:

*"Ruộng mình quên cày xáo
Nên lúa chín không đều
Nhớ lấy để mùa sau
Nhà cô làm cho tốt"*

(Thăm lúa - Trần Hữu Thung)

Cái chất nông dân thuần phác ấy mới đáng quý làm sao, và chính nó sẽ làm nên sức mạnh để anh vượt qua mọi gian khổ chiến thắng kẻ thù. Các anh sẵn sàng ra đi với một quyết tâm lớn lao, sẵn sàng hy sinh riêng mình vì lí tưởng cao đẹp, đó là lí tưởng giải phóng đất nước, giải phóng quê hương, giải phóng chính cuộc đời mình khỏi lầm than nô lệ:

*"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay..."*

(Đồng chí - Chính Hữu)

- Hình ảnh các anh khác xa lắm với hình ảnh người lính thú trong ca dao xưa:

*Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa*

(Ca dao)

Ta như thấy người lính thú hiện lên thật tội nghiệp, đáng thương. Họ bước đi bởi tiếng trống giục và trong nước mắt, bởi họ hiểu rằng họ buộc phải đi làm điều mà

mình không muốn. Phía trước họ là những cuộc khởi nghĩa của nông dân, là đồng bào của chính mình. Họ cũng hiểu rằng máu xương họ đổ xuống chỉ để dim thêm cuộc sống của bao người trong màn đêm đen tối.

Các anh cũng khác xa lắm người chinh phu trong "*Chinh phụ ngâm*". Người chinh phu ấy ra đi trong tiếng nức nở xé lòng của người chinh phụ, trong nỗi chán chường, kinh sợ cảnh binh đao.

- Cũng là ra trận, cũng là đi chiến đấu nhưng người lính thú, hay người chinh phu xưa làm sao có được tư thế hiên ngang, đường hoàng và hăm hở như người chiến sĩ Việt Nam trong thơ cách mạng:

*Những buổi vui sao cả nước lên đường
Xao xuyên bờ tre từng hồi trống giục.
Xóm dưới làng trên, con trai con gái
Xôi nắm cơm đùm rối rít theo nhau...*

(Đường ra mặt trận - Tố Hữu)

*** Các anh là những người có ý chí nghị lực phi thường, vượt lên trên mọi gian khổ khó khăn trong cuộc chiến đấu:**

Kháng chiến bắt đầu từ những ngày gian nan vất vả, bắt đầu từ tiếng cuộc phá đường đến tiếng đục nhà để tiêu thổ kháng chiến. Hình ảnh anh vệ quốc quân đi vào thơ ca cũng từ những ngày tháng gian nan ấy. Hầu hết các nhà thơ không thi vị hoá người chiến sĩ, không khoác cho các anh lớp vỏ chiến binh dày dặn phong trần mà họ nhìn người lính với cái nhìn đồng chí, đồng đội. Họ rất hiểu các anh và tìm thấy ở các anh vẻ đẹp kì lạ trong những năm tháng chiến đấu, đó là tinh thần vượt khó, chịu đựng gian lao. Để rồi trong thơ họ, các anh hiện lên thật chân thực và cảm động.

Trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù, các anh là những người trực tiếp chịu biết bao hy sinh gian khổ. Hơn nửa thế kỉ trôi qua, giờ đây đọc lại những vần thơ của Chính Hữu, mấy ai không cảm được nước mắt, không khâm phục sức chịu đựng phi thường của những người nông dân mặc áo lính:

*"Tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi
áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"*

(Đồng chí - Chính Hữu)

Bao đêm các anh phải ngủ ngoài rừng:

*"Trái lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lã thã..."*

(Đêm nay Bác không ngủ - Minh

Huệ)

Hay:

*'Ngày lại ngày đi, vất với sương
Ngô bung xôi nhạt, nước lưng buong
Đêm mưa rình giặc, tai thao thức,
Mùa lại mùa qua, rét nhưc xương "*

(Giết giặc - Tô Hữu)

Và:

*"Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm,
cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn..."*

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên - Tô

Hữu)

Bởi vậy, không thể coi là cường điệu khi ta đọc những vần thơ viết về trung đoàn Tây tiến của nhà thơ Quang Dũng. Sự thật ở trung đoàn này, rất nhiều chiến sĩ bị sốt rét đến nỗi nhiều người bị rụng hết tóc:

*"Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm"*

(Tây tiến - Quang Dũng)

*** Các anh có tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn:**

- Trong những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người lính đã cùng nhau chia ngọt xẻ bùi, vào sinh ra tử có nhau. Tình đồng chí đồng đội ngày thêm keo sơn gắn bó. Bên nhau, các anh cùng nhau chia sẻ mọi tâm tư nỗi niềm. Anh hiểu tôi, cũng như tôi hiểu anh, tất cả cùng chung nỗi nhớ gia đình, nỗi nhớ quê hương. Họ hiểu rằng, ở nơi xa xôi ấy, quê hương cũng đang ngày đêm nhớ thương mình:

*"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính"*

(Đồng chí - Chính Hữu)

Họ chia sẻ cùng nhau nỗi nhớ mẹ nơi quê nhà đến cồn cào cháy bỏng, nhớ mẹ và hiểu được tấm lòng của mẹ:

*"Ai về thăm mẹ quê ta
Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm
Bầm ơi có rét không bầm?
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn"*

*Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non.
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần..."*
(Bầm ơi - Tố Hữu)

Hay chia sẻ cùng nhau cả những điều sâu kín trong trái tim tuổi trẻ:

*"Đã nớ vợ chưa/
Đã nớ?
Tớ còn chờ độc lập!"*

(Nhớ - Hồng Nguyên)

- Lúc thiếu thốn, khi ốm đau, tình đồng chí đã giúp họ thêm sức mạnh "*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*" (Đồng chí - Chính Hữu). Cái nắm tay không lời mà như biết nói bao lời. Cái nắm tay như truyền cho nhau sức mạnh, ý chí và niềm tin, truyền cho nhau hơi ấm tình người, sưởi ấm lòng nhau, sưởi ấm cả đôi bàn chân không giày trong buốt giá. Cảm động biết bao nhiêu mối quan hệ tốt đẹp của những người cùng chiến đấu vì một lí tưởng cao đẹp:

*"Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ."*

(Đồng chí - Chính Hữu)

*** Các anh là những người có tâm hồn lãng mạn, lạc quan yêu đời**

Đời lính đâu phải chỉ có khói bom và thuốc súng. Với tâm hồn rộng mở, trong sáng, người lính cũng có những phút giây, những kỉ niệm thật êm đẹp, thơ mộng. Giữa cảnh núi rừng mênh mông yên tĩnh, trong màn sương muối lạnh lẽo phủ dày, trong tư thế sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, người lính vẫn thả hồn mình tìm đến với vẻ đẹp của vàng trăng, vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của vàng trăng, thấy vàng trăng như treo nơi đầu súng:

*"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng, trăng treo."*

(Đồng chí - Chính Hữu)

Những giây phút nghỉ ngơi giữa hai trận đánh, các anh thật hồn nhiên, trẻ trung:

*'Cả lũ cười vang bên ruộng bắp
Nhìn o thôn nữ dưới nương dâu."*

(Nhớ - Hồng Nguyên)

Tóm lại: Thơ ca kháng chiến chống Pháp đã xây dựng thành công hình ảnh người lính. Năm tháng đã và sẽ trôi qua nhưng những bài thơ viết về người lính trong giai đoạn lịch sử oanh liệt này vẫn còn mãi trong nền văn học dân tộc, trong lòng người dân Việt Nam. Hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp mãi mãi là niềm tự hào của mỗi người dân Việt nam.

2. Trong kháng chiến chống Mĩ:

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng CNXH. Nhưng cả dân tộc ta vẫn phải tiếp tục cuộc chiến đấu mới, cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong thời kì này, thơ ca Việt Nam có bước phát triển mới, lớn mạnh và phong phú hơn giai đoạn trước. Bên cạnh hai cây bút "lĩnh sáng" nổi bật của thời kì này là Tố Hữu và Chế Lan Viên, một thế hệ thi sĩ tài năng xuất hiện. Họ đông đảo về đội ngũ và đa dạng về phong cách, giọng điệu. Phần lớn trong số họ là những người trực tiếp tham gia đánh giặc và làm thơ. Đó là: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Lê Anh Xuân, Nguyễn Trọng Tạo ... Từ chiến trường Trường Sơn ác liệt, Phạm Tiến Duật đã thổi vào thơ ca giọng điệu mới "giọng lính": Đó là chất giọng trẻ trung, nghịch ngợm, trong đó nổi bật lên tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính". Có thể nói thơ ca thời kì này đã thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.

Hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước hiện lên với những phẩm chất cao đẹp. Các anh vẫn mang trong mình những phẩm chất truyền thống của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là lòng yêu nước thiết tha cháy bỏng, là ý chí nghị lực phi thường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, là tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn, là tâm hồn lạc quan yêu đời... Nhưng các anh cũng mang trong mình những vẻ đẹp mới của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh. Vẻ đẹp nổi bật của hình ảnh người lính trong kháng chiến chống Mĩ chính là sự trẻ trung, ngang tàng, nghịch ngợm và hóm hỉnh. Vẻ đẹp của họ không chỉ tượng trưng cho vẻ đẹp của dân tộc mà được nâng lên tầng khái quát cao hơn nhiều, tầm nhân loại.

****. Trước hết, các anh luôn mang trong mình những vẻ đẹp truyền thống của Anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.***

Các anh, những người lính ra đi từ miền Bắc XHCN. Không phải từ những thân phận nô lệ, cũng không chỉ là những người nông dân nơi "nước mặn đồng chua" hay vùng quê "đất cày lên sỏi đá" với khát vọng giải phóng quê hương, giải phóng cuộc đời mình thoát khỏi nô lệ lầm than mà các anh vốn là những công nhân, nông dân, trí thức, trong đó, phần lớn vừa rời ghế nhà trường để bước vào cuộc chiến đấu với khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Vẫn là lí tưởng độc lập tự do nhưng với thời đại các anh, lí tưởng cao đẹp đó đã phát triển trở thành chủ nghĩa yêu nước XHCN. Lí tưởng căng mạng gắn với nhận thức về sứ mệnh trọng đại của dân tộc trong cuộc đấu tranh của loài người cùng với sự đi lên của dân tộc, của nhân loại. Bởi vậy, các anh ra trận với tâm hồn phơi phới tuổi xuân:

"Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

Với khí thế:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

Với lí tưởng "*Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù*". Các anh với sự hy sinh cho dân tộc là hạnh phúc thiêng liêng cao cả của cuộc đời mình:

Nếu được làm hạt giống của mùa sau

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa

Vui gì hơn bằng người lính đi đầu

Trong đêm tối, tim ta thành ngọn lửa"

(Chào xuân 67 - Tố Hữu)

Bởi thế, ta thấy các anh bước vào cuộc chiến đấu bằng tất cả sự chủ động, tự tin, vững vàng nhất.

Gian khổ khó khăn nhất đối với người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là sự khốc liệt của cuộc chiến tranh. Người lính hành quân vào Nam đánh giặc dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù. Những chiếc xe bị méo mó, biến dạng:

"Không có kính, không phải vì xe không có kính

Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi"

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

Không có kính, nghĩa là không có bộ phận che chắn bảo vệ các anh. Không chỉ có nắng rát, mưa đông, không chỉ có bụi đường làm bạc trắng những mái đầu mà còn là những mảnh bom đạn của kẻ thù bất cứ lúc nào cũng quăng ném vào trong xe, nhưng các anh vẫn:

"Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng..."

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

Ngay cả cái chết cũng không thể làm các anh gục ngã:

"Anh ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất

Nhưng anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng

Và anh chết trong khi đang đứng bắn

Máu anh phun theo lửa đạn cầu vồng"

(Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân)

Trong gian khổ hy sinh, tình đồng chí đồng đội đã làm nên sức mạnh chiến thắng kẻ thù:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi

*Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi"*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

Cái bắt tay ấm nồng tình cảm yêu thương chia sẻ. Cái bắt tay ấy là tình đồng đội thiêng liêng, họ truyền cho nhau niềm tin chiến thắng, tình yêu và lòng dũng cảm, là sức mạnh đoàn kết ở nơi mà sự sống và cái chết thật cận kề. Bàn tay thay cho mọi lời nói. Các anh hiểu rằng kháng chiến là gian khổ, là trường kì, vậy nên, hàng ngàn con đường ra trận đã trở thành ngôi nhà chung, những đồng đội đã trở thành gia đình ruột thịt:

*'Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy"*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

***. Nét nổi bật của vẻ đẹp người lính trong kháng chiến chống Mĩ là sự trẻ trung, ngang tàng, nghịch ngợm và hóm hỉnh.**

Thật đáng yêu trước hình ảnh:

*"Những chàng lính trẻ măng tơ
Nghêu ngao gõ bát hát chờ cơm sôi"*

(Nước non ngàn dặm - Tố Hữu)

Hay:

*"Khoái nào bằng phút nghỉ lưng
Giở trang thư dưới bóng rừng đung đưa"*

Gian khổ hiểm nguy dường như lại trở thành niềm vui, sự thích thú:

*"Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

*Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Không cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi. "*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Duật)

Biết tạo ra niềm vui từ chính gian khổ hy sinh, các anh nói về gian khổ hy sinh như nói về những niềm vui, niềm hạnh phúc. Bởi vậy, thương tích trên mình với các anh có đáng kể gì đâu:

Cái vết thương xoàng mà đưa viện.

*Hàng còn chờ đó, tiếng xe reo
Nằm giữa nhớ trắng, nằm nghiêng nhớ bến
Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đeo"*

(Nhớ - Phạm Tiến Duật)

Chính vì thế mà tâm vóc người chiến sĩ như cao lớn lên cùng tâm vóc của dân tộc, của thời đại trong cuộc chiến tranh về quốc vĩ đại nhất:

*"Cả năm châu chân lí đang nhìn theo
Bóng anh đi và vành mũ tai bèo của anh đó"*

(Hoan hô anh giải phóng quân - Tô Hữu)

Hay:

*'Anh chẳng để lại gì cho riêng anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ
... Từ dáng đứng của anh trên đường băng Tân Sơn Nhất
Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân."*

(Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân)

Hình tượng người chiến sĩ trong thơ chống Mĩ có những nét riêng tư của con người, của nhân vật trữ tình đậm đà tính sáng tạo. ta hãy nghe người chiến sĩ tâm sự:

*'Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường sơn đông nhớ Trường sơn tây."*

(Trường sơn đông, Trường sơn tây - Phạm

Tiến Duật)

Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ, máu thịt các anh đã hoá thành phù sa làm tốt bãi bồi, xanh mướt nương dâu, "Đề đất nước bay lên bát ngát mùa xuân".

Tóm lại: Cùng với thử thách của thời gian, có thể khẳng định rằng các nhà thơ cùng với những vần thơ viết về đề tài người lính của họ ngày càng khẳng định được vị trí vững vàng trong lịch sử thơ ca Việt Nam, nó vẫn tồn tại như một vầng sáng, như một tâm cao trong thơ Việt Nam hiện đại. Nhiều bài thơ hay vẫn sống trong lòng người yêu thơ và thế hệ trẻ. Thơ về đề tài người lính là một phần không thể phủ định trong các giá trị tinh thần của một thời đại lịch sử đã và sẽ được lưu giữ, trân trọng bởi những thế hệ hôm qua và cả hôm nay.

Ví dụ 3:

Chuyên đề: **MÁY NÉT KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**

A. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA:

- Chuyên đề giúp học sinh có cái nhìn khái quát và hệ thống về cả phần văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS, đặc biệt là trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Qua chuyên đề, học sinh sẽ hiểu rõ hơn về hoàn cảnh lịch sử cũng như đặc điểm văn học mỗi giai đoạn để từ đó, các em có sự nhận xét, đánh giá về tác phẩm văn học một cách khách quan và sâu sắc hơn.

- Bộ cục chuyên đề:

1. Vài nét lớn về bối cảnh lịch sử

2. Các chặng đường của văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945

3. Một số nét lớn về thành tựu của văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ

I. Vài nét lớn về bối cảnh lịch sử

- Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đã mở ra một kỉ nguyên mới trong dân tộc Việt Nam: kỉ nguyên độc lập, dân chủ và đi lên CNXH, chấm dứt nghìn năm chế độ phong kiến và gần 100 năm nô lệ. Cách mạng tháng Tám cũng mở ra một kỉ nguyên mới cho nền văn học nước nhà.

- Độc lập dân tộc chưa được bao lâu, năm 1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Và một lần nữa, cả dân tộc Việt Nam lại bước vào cuộc kháng chiến chín năm trường kì gian khổ với ý chí và quyết tâm "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

- Năm 1954, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu đã chấm dứt chín năm kháng chiến chống Pháp, Miền bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng CNXH, Miền Nam tiếp tục chiến đấu chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Nhân dân cả hai miền Nam - Bắc luôn sát cánh bên nhau trong cuộc chiến đấu mới.

- Năm 1975, Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, non sông liền một dải, cả nước đi lên xây dựng CNXH. Dân tộc ta lại phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức mới gay gắt trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

II. Các chặng đường của văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945

Văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945 đã nảy nở và phát triển trong bối cảnh lịch sử như trên và gắn bó mật thiết với những bước đi của lịch sử, với vận mệnh của dân tộc và Tổ quốc. Nó kế tục những truyền thống tốt đẹp của văn học các thời kì trước, nhưng là một chặng đường mới trong lịch sử văn học của dân tộc, với những nội dung mới, những đặc điểm riêng biệt và đã có những thành tựu không nhỏ góp vào sự phát triển của nền văn học Việt nam có lịch sử hàng nghìn năm.

Văn học Việt Nam từ sau CM tháng Tám 1945 đến nay đã trải qua hai thời kì: Từ 1945 đến 1975 và từ sau 1975 trở đi. Mỗi thời kì ấy lại bao gồm một số giai đoạn với những đặc điểm riêng về tình hình phát triển, về nội dung và hình thức nghệ thuật.

1. Từ 1945 đến 1954: Văn học chuyển mình

Nền VH mới được hình thành sau CM tháng tám và trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Thời kì này, *văn học đã hướng hẳn vào đời sống cách mạng và kháng chiến, hướng về đại chúng nhân dân, tập trung thể hiện hình ảnh quần chúng nhân dân với những phẩm chất công dân cao cả như: lòng yêu nước, chí căm thù, tình đồng bào đồng chí, lòng kính yêu lãnh tụ và niềm tin tưởng ở cách mạng và kháng chiến, niềm tự hào của con người đã được giải phóng.*

Tuy mới là bước đầu của một nền văn học mới, giai đoạn này cũng đã để lại những thành tựu đáng kể, đặc biệt là thơ ca: Việt bắc của Tố Hữu, thơ của Chính hữu, Quang Dũng, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi, Hồng Nguyên ...; truyện ngắn của Nam Cao, Kim Lân, Tô Hoài ...

2. Từ 1955 đến 1975.

Văn học trong hai mươi năm này đã có bước phát triển mới, lớn mạnh và phong phú hơn giai đoạn trước. Ở miền Bắc, trong những năm tạm thời có hoà bình (1955 - 1964), *văn học tập trung vào thể hiện hình ảnh người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước, ca ngợi những đổi thay của đất nước và con người trong bước đi lên CNXH với một cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui và niềm tin tưởng. Trong những năm chống Mĩ, văn học tập trung thể hiện cuộc chiến đấu ở mọi miền đất nước, ở miền Bắc, và miền Nam, cả tiền tuyến và hậu phương, nêu cao chủ nghĩa anh hùng, ý chí quyết thắng và sức mạnh của cả dân tộc, mang khí thế của thời đại. Văn học ta đã xây dựng thành công hình tượng cao đẹp về Tổ quốc và Nhân dân, đặc biệt đã thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.*

Trong giai đoạn này, các thể loại văn học đều khá phát triển. Thành tựu nổi trội vẫn là thơ và truyện ngắn, nhưng tiểu thuyết cũng có nhiều tác phẩm thành công. Đội ngũ sáng tác văn học cũng đông đảo, có sự tiếp nối và bổ sung cho nhau của thế hệ nhà văn cùng sát cánh bên nhau trên một trận tuyến, với tinh thần của những nhà văn - chiến sĩ.

3. Từ 1975 trở lại đây:

Văn học từ sau 1975 cũng chuyển dần sang một thời kì khác, đặc biệt có bước chuyển mạnh mẽ là từ 1986, khi có công cuộc đổi mới trên đất nước. Văn học có

bước phát triển, đa dạng hơn về đề tài và chủ đề, phong phú mới mẻ hơn về các thủ pháp nghệ thuật. Chiến tranh yêu nước vẫn là một đề tài lớn được nhiều cây bút tiếp tục khai thác dưới những góc độ khác nhau. *Văn học đã áp sát hơn với đời sống hiện tại, đồng thời cũng quan tâm soi lại các vấn đề của thời kì lịch sử đã qua, hướng đến con người trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động và sinh hoạt, trong đời riêng và đời chung.*

III. Một số nét lớn về thành tựu của văn học Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945:

1. Từ 1945 đến 1975

Văn học xứng đáng với sứ mệnh cao cả của một nền văn học cách mạng, hướng về đại chúng nhân dân, phục vụ chiến đấu, góp được những thành tựu cho sự phát triển nền văn học dân tộc trong thời đại mới.

- Hướng vào đời sống xã hội rộng lớn với nhiều biến cố trọng đại, văn học thời kì này đã ghi lại được những hình ảnh không thể phai mờ của một thời kì lịch sử đầy gian lao, hy sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang của dân tộc ta. Với hai cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, văn học đã sáng tạo được những hình tượng nghệ thuật cao đẹp về đất nước, về nhân dân, về các tầng lớp, thế hệ con người Việt Nam vừa giàu phẩm chất truyền thống dân tộc vừa đậm nét thời đại.

- Về nội dung tư tưởng: Văn học thời kì này đã phát huy những nét lớn trong truyền thống tinh thần của dân tộc - cũng là những nét nổi bật trong phẩm chất con người Việt Nam của thời đại ấy, đó là Chủ nghĩa yêu nước và Tinh thần nhân đạo. Lòng yêu nước thường được thể hiện trong tình quê hương, làng xóm (Làng - Kim Lân; Nhớ con sông quê hương - Tế Hanh...); trong tình đồng bào đồng chí, tình quân dân "cá nước" (Đồng chí - Chính Hữu; Nhớ - Hồng Nguyên...); chủ nghĩa yêu nước thường gắn liền với chủ nghĩa anh hùng trong thời kì diễn ra những cuộc đấu tranh giành độc lập và gìn giữ đất nước

Tinh thần yêu nước vừa là một truyền thống sâu xa lại vừa mang đậm nét tinh thần của thời đại cách mạng, thể hiện trong niềm tự hào và ý thức làm chủ đất nước của quần chúng, trong tư tưởng đất nước gắn liền với nhân dân, của nhân dân, trong lí tưởng CNXH (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận; Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long ...)

Chủ nghĩa nhân đạo của văn học mới hướng về những con người lao động, phát huy tinh cảm giai cấp và những phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, khẳng định con đường giải phóng và sự trưởng thành của quần chúng trong cách mạng.

- Về thể loại: Văn học thời kì này có những thành tựu đáng kể. Các thể loại phát triển khá toàn diện, nhưng thơ và truyện ngắn vẫn nổi trội hơn.

Thơ ca thời kháng chiến đã đem đến một tiếng nói trữ tình mới mẻ, khoẻ khoắn - tiếng nói trữ tình của các nhân vật quần chúng. Bên cạnh các nhà thơ lớp trước cách mạng có nhiều thành công góp phần thúc đẩy sự phát triển của thơ Việt Nam hiện đại như: Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Tế Hanh ..., lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến cũng không hiếm tài năng và có nhiều tìm tòi sáng tạo góp phần đổi mới cho thơ ca: Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Nguyễn Khoa Điềm ...

Truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết khá phong phú và ngày càng đa dạng hơn về phong cách và bút pháp. Nhiều cây bút truyện ngắn có tác phẩm hay và ghi được dấu ấn riêng: Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Minh Châu ...

Có thể nói, văn học thời kì 1945 - 1975 góp phần đáng kể vào sự phát triển của ngôn ngữ văn học dân tộc theo hướng gắn sát hơn với ngôn ngữ của nhân dân, với đời sống hiện tại mà trước hết là cuộc sống lao động và chiến đấu, làm đa dạng thêm các chất liệu ngôn ngữ.

Văn học VN từ 1945 đến 1975 đã nảy nở và phát triển trong hoàn cảnh không chỉ có thuận lợi. Chiến tranh kéo dài và ác liệt, nền kinh tế chậm phát triển ... đã khiến cho điều kiện sáng tác và hoạt động văn học gặp nhiều khó khăn, trở ngại nên văn học của ta không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Những thành tựu của văn học thời kì này là cơ bản và to lớn. Văn học đã phục vụ tích cực và có hiệu quả cho các nhiệm vụ cách mạng, góp phần quan trọng vào việc động viên cổ vũ hai cuộc kháng chiến của toàn dân tộc và có tác dụng to lớn trong việc xây dựng tư tưởng, bồi đắp tâm hồn, phát triển nhân cách của con người Việt nam không chỉ ở thời kì đó mà còn cho nhiều thế hệ tiếp theo.

1. Từ sau 1975:

Văn học có bước chuyển dần sang một thời kì mới với những đặc điểm mới. Văn học ngày càng áp sát hơn với đời sống, mở rộng và đào sâu những khám phá về con người và xã hội. Cuộc sống và con người hiện ra trong cái hàng ngày và những biến cố lịch sử, trong cái chung và cái riêng, với những chiến công anh hùng cao cả và cả những đau thương mất mát, với niềm vui và nỗi buồn trong ánh sáng rạng ngời và cả những bóng tối còn roi rớt (Bến quê - Nguyễn Minh Châu; Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê; Ánh trăng - Nguyễn Duy, Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải ...)

Các thể loại văn học có sự biến đổi, có nhiều tìm tòi mạnh dạn đổi mới xuất hiện trong thế hệ nhà văn trẻ

Đặc biệt, đến với văn học từ sau 1975, ***tinh thần nhân đạo truyền thống được phát huy mạnh mẽ trong cảm hứng nhân bản: hướng về con người, khám phá và thể hiện con người ở nhiều mặt và trong nhiều mối quan hệ đa dạng giữa cá nhân và xã hội, số phận riêng và lịch sử, tính cách và hoàn cảnh, con người trong các quan hệ thế sự, đời tư, con người với chính mình ..., đề cao sự tự ý thức của mỗi cá nhân hướng đến sự hoàn thiện về nhân cách*** (Bến quê - Nguyễn Minh Châu; Ánh trăng - Nguyễn Duy ...)